

Bản án số: 918/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 09-07-2018

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đăng Tân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trương Thị Hồng Phương

2. Ông Phạm Nguyễn Anh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Hải Đăng

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Trần Thị Hải Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2018 tại Phòng xử số 03, trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1487/2017/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2017 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 113/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 188/2018/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Ngọc T, sinh năm 1994; cư trú: Xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt);

Bị đơn: Ông Hoàng P, sinh năm 1984; cư trú: Đường Q, phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 31/10/2017 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc T trình bày:

Bà và ông Hoàng P đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường M, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 16/6/2012 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 47, quyền số 01/2012. Quá trình chung sống có một con chung tên Hoàng Ngọc Kim A, sinh ngày 21/11/2014.

Trong cuộc sống vợ chồng, bà đã làm tròn bổn phận của một người con dâu, người vợ trong gia đình. Tuy nhiên, ông P không cho bà được qua lại, nói chuyện với bố mẹ, chị em ruột vì cho rằng họ là người xấu. Ông P tự suy diễn là gia đình của bà xúi giục ly hôn ông P và câu nói của mẹ vợ là chị gái đi nước ngoài gửi về mỗi tháng 20.000.000 đồng để cho rằng bà cũng muốn đi nước ngoài. Ông P thường xuyên có những hành động và lời nói sỉ nhục đến chị em ruột của bà. Bà đã cố gắng nhường nhịn để giữ gìn hạnh phúc gia đình nhưng ông P vẫn không thay đổi. Ông P còn hành vi bạo hành gia đình như đập phá đồ đạc trong nhà, đánh, tát, bóp cổ bà. Ngày 13/10/2017, ông P cầm dao đưa vào cổ bà đe dọa, do hoảng loạn nên bà đã về nhà cha mẹ ruột sinh sống. Tuy vậy, ông P vẫn gọi điện thoại, chửi mắng, đe dọa giết những người trong gia đình vợ. Do không thể tiếp tục chung sống nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông P.

Về con chung: Bà đồng ý giao con tên Hoàng Ngọc Kim A cho ông Hoàng P trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa giải quyết trong vụ án này.

Tại biên bản lấy lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Hoàng P trình bày:

Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến ngày 25/8/2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Ông P xác nhận không muốn bà T giao du với chị em vợ vì họ không tôn trọng ông. Cụ thể, khi gia đình vợ khó khăn thì nhờ giúp đỡ, đến khi xong việc thì chửi, khinh bỉ và tính toán với ông. Gia đình bên vợ có những tác động làm cho bà T không phân biệt được đúng sai, mỗi lần gia đình bà T đến thăm là vợ chồng lại xảy ra gây gổ. Bà T luôn nhiệt tình với những việc xảy ra bên gia đình mình nhưng lại lơ là không quan tâm, chia sẻ, bỏ mặc khi ông gặp khó khăn. Ông P thừa nhận vào ngày 13/10/2017 khi đi uống bia về có lớn tiếng và kéo bà T đến bàn thờ của gia đình để chỉ cho bà T những điểm sai trái của gia đình bên vợ, khi say ông có quơ tay nhưng không nhớ có đánh trúng bà T hay không, ông có cầm dao lên nhưng chỉ là để dọa chứ không có ý định giết bà T. Sau đó thì bà T bỏ về nhà mẹ ruột mà không có sự đồng ý của ông. Vợ chồng ly thân từ ngày 14/10/2017 cho đến nay. Hiện tại ông vẫn còn thương và mong muốn bà T không nghe lời bên vợ, biết phân biệt đúng sai để quay về, ông đề nghị được hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Trong trường hợp bà T vẫn cương quyết thì ông chấp nhận ly hôn.

Về con chung: Ông P yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Hoàng Ngọc Kim A, ông không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung: Ông không yêu cầu Tòa giải quyết trong vụ án này.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ quy định của pháp luật về thủ tục tố tụng và thời hạn tố tụng. Về chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chưa thực hiện quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án thực hiện thủ tục tố tụng đạt cho bị đơn đúng quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là bà Lê Thị Ngọc T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục:

Bị đơn là ông Hoàng P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ Khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 27/12/2017 và yêu cầu trong quá trình giải quyết vụ án của bà Lê Thị Ngọc T thì đây là tranh chấp về ly hôn, nuôi con và là loại vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

Hôn nhân giữa bà T và ông P là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp được pháp luật công nhận theo giấy chứng nhận kết hôn số 47, quyển số 01/2012 ngày 16/6/2012 của Ủy ban nhân dân phường M, quận T.

Bà T cho rằng: Vợ chồng luôn bất đồng quan điểm, mâu thuẫn kéo dài, hiện không còn tình cảm và không thể hàn gắn nên yêu cầu ly hôn. Còn ông P cho rằng quan hệ vợ chồng vẫn bình thường, mâu thuẫn phát sinh chỉ vì bà T luôn nghe lời gia đình bên vợ; ông vẫn còn thương bà T nên không đồng ý ly hôn.

Qua xem xét lời khai của đôi bên đều thể hiện trong cuộc sống vợ chồng giữa bà T và ông P có những mâu thuẫn mà cho đến nay vẫn không giải quyết

được và đặc biệt hơn nữa là bà T và ông P không tìm được tiếng nói chung trong giải quyết mối quan hệ với gia đình của cả hai bên. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã hòa giải đoàn tụ nhưng bà T vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn vì cho rằng: Ông P còn có hành vi bạo lực trong gia đình nên không thể tiếp tục chung sống, đôi bên đã có thời gian sống riêng biệt, nhưng điều quan trọng hơn cả là tình cảm của bà đối với ông P không còn dẫn đến trong gia đình thường xuyên cãi vã, không còn yêu thương, quý trọng, giúp đỡ, quan tâm chăm sóc lẫn nhau và chăm lo cho cuộc sống gia đình. Về phía ông P có mong muốn đoàn tụ, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án lại không đưa biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng mà chỉ cho rằng: Ông vẫn còn thương bà T, mong muốn bà T quay về và không nghe lời bên gia đình vợ.

Xét thấy, hôn nhân chỉ đạt được mục đích khi xuất phát từ tình thương yêu giữa hai vợ chồng, cùng vun đắp, chăm sóc lẫn nhau để xây dựng một gia đình hạnh phúc, giữa bà T và ông P đã có một thời gian để suy nghĩ về tình cảm vợ chồng nhưng bà T vẫn cương quyết xin ly hôn chứng tỏ mâu thuẫn giữa đôi bên đã trầm trọng, tình cảm không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T theo quy định tại Khoản 1 Điều 51 và Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình là có cơ sở.

Về con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự thống nhất ông P là người trực tiếp nuôi con. Xét thấy, hiện ông P đang là người trực tiếp nuôi dưỡng con, trẻ Hoàng Ngọc Kim A đã trên ba tuổi. Do đó, để bảo đảm về điều kiện nuôi dưỡng, sự phát triển về tâm sinh lý và quyền lợi của trẻ, Hội đồng xét xử quyết định giao trẻ Hoàng Ngọc Kim A cho ông P tiếp tục là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng theo quy định tại Khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con và chia tài sản chung: Nguyên đơn và bị đơn không có yêu cầu giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử tách ra để giải quyết bằng một vụ án khác nếu sau này các đương sự có yêu cầu.

[4] Về án phí:

Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định tại điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, các điều 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Ngọc T, sinh năm 1994 ly hôn với ông Hoàng P, sinh năm 1984.

Giấy chứng nhận kết hôn số 47, quyền số 01/2012 ngày 16/6/2012 của Ủy ban nhân dân phường M, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh hết hiệu lực.

2. Ông Hoàng P là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con tên Hoàng Ngọc Kim A sinh ngày 21 tháng 11 năm 2014.

Bà Lê Thị Ngọc T có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con. Vì lợi ích của con khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí:

Bà Lê Thị Ngọc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2017/0027859 ngày 07/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp; bà T đã nộp đủ án phí.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Quyền kháng cáo: Bà T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; ông P có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q. Gò Vấp;
- Chi cục THADS Q. Gò Vấp;
- UBND phường M, Q. T, TP. HCM
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Trần Đăng Tân